

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 23.2021

Kinh Nanda (Nandasuttam)

CHƯƠNG II. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ, PHẨM CÁC NGOẠI ĐẠO (S.i, 62)

Nội dung giống với **Kinh Thời Gian Trôi Qua (Accentisuttam)**
(S.i,2) (S.i,3) (CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM CÂY LAU)

Kinh Nandivisāla (Nandivisālasuttam)

CHƯƠNG II. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ, PHẨM CÁC NGOẠI

ĐẠO (S.i, 63)

Nội dung giống với **Kinh Bốn Bánh Xe (Catucakkasuttam)**
CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM KIỂM (S.i.16)

**MỘT NGƯỜI MÀ ĐẮNG ĐẠO SƯ, PHÁP LỮ, CHƯ
THIÊN ĐỀU HẾT LỜI TÁN THÁN**

Kinh Susima (Susimasuttam)

CHƯƠNG II. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ, PHẨM CÁC NGOẠI

ĐẠO (S.i, 63)

Tôn giả Sāriputta là bậc trí đức kiêm ưu. Ngài là bậc thượng thủ tinh văn đệ nhất trí tuệ của Đức Phật. Không phải chỉ được biết với trí tuệ mà còn qua tư cách ứng xử. Trong tất cả mọi trường hợp Ngài đều thể hiện tánh hạnh cao cả của một bậc long tượng với tất cả sự khiêm cung. Là một bậc thầy của nhiều thế hệ không phải chỉ riêng trí kiến thù diệu mà còn để lại những gương sáng cho đạo, cho đời. Rất ít cá nhân trong cuộc đời được một pháp lữ đa văn quảng kiến như Tôn giả Ananda không tiếc lời ca ngợi. Chẳng những vậy mà thiên chúng các cõi trời cũng một lòng kính ngưỡng. Và có lẽ khó tưởng tượng được một người học trò được bậc đạo sư, chính là Đức Phật, ca ngợi với những mỹ từ đẹp nhất có thể có đối với trí tuệ và nhân cách của một người từng có mặt trên thế gian này.



Kinh Văn

Sāvattthinidānaṃ.

Nhân duyên ở Sāvattthī.

Atha kho āyasmā ānando yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinnaṃ kho āyasmantaṃ ānantaṃ bhagavā etadavoca –

Rồi Đại đức Ānanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Đại đức Ānanda đang ngồi một bên:

“tuyhampi no, ānanda, sārīputto ruccatī”ti?

-- Này Ānanda, Ông có hoan hỷ đối với Sārīputta không?

“Kassa hi nāma, bhante, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa āyasmā sārīputto na ruceyya? Paṇḍito, bhante, āyasmā sārīputto. Mahāpañño, bhante, āyasmā sārīputto. Puthupañño, bhante, āyasmā sārīputto. Hāsapañño [hāsupañño (sī.)], bhante, āyasmā sārīputto. Javanapañño, bhante, āyasmā sārīputto. Tikkhapañño, bhante, āyasmā sārīputto. Nibbedhikapañño, bhante, āyasmā sārīputto. Appiccho, bhante, āyasmā sārīputto. Santuṭṭho, bhante, āyasmā sārīputto. Pavivitto, bhante, āyasmā sārīputto. Asaṃsaṭṭho, bhante, āyasmā sārīputto. Āraddhavīriyo, bhante, āyasmā sārīputto. Vattā, bhante, āyasmā sārīputto. Vacanakkhamo, bhante, āyasmā sārīputto. Codako, bhante, āyasmā sārīputto. Pāpagarahī, bhante, āyasmā sārīputto.

-- Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sārīputta? Bạch Thế Tôn, hiền trí là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, đại tuệ là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, quảng tuệ là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, hỷ tuệ là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, tiếp tuệ là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, lợi tuệ là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, quyết trạch tuệ là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, ít dục là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, biết đủ là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, viễn ly là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, bất cộng trú là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, tinh cần, tinh tấn là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, biện tài là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, nghe lời trung ngôn là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, cáo tội trung thực là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sārīputta.

Kassa hi nāma, bhante, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa āyasmā sārīputto na ruceyyā”ti?

Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sārīputta?

“Evametam, ānanda, evametam, ānanda! Kassa hi nāma, ānanda, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa sārīputto na ruceyya? Paṇḍito, ānanda, sārīputto. Mahāpañño, ānanda, sārīputto. Puthupañño, ānanda, sārīputto. Hāsapañño, ānanda, sārīputto. Javanapañño, ānanda, sārīputto. Tikkhapañño, ānanda, sārīputto. Nibbedhikapañño, ānanda, sārīputto. Appiccho, ānanda, sārīputto. Santuṭṭho, ānanda, sārīputto. Pavivitto, ānanda, sārīputto. Asaṃsaṭṭho, ānanda, sārīputto. Āraddhavīriyo, ānanda, sārīputto. Vattā, ānanda, sārīputto. Vacanakkhamo, ānanda, sārīputto. Codako, ānanda, sārīputto. Pāpagarahī, ānanda, sārīputto. Kassa hi nāma, ānanda, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa sārīputto na ruceyyā”ti?

-- Như vậy là phải, này Ananda. Như vậy là phải, này Ananda. Này Ananda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Sārīputta? Này Ānanda, hiền trí là Sārīputta. Này Ānanda, đại tuệ là Sārīputta. Này Ānanda, quảng tuệ là Sārīputta. Này Ānanda, hỷ tuệ là Sārīputta. Này Ānanda, tiệp tuệ là Sārīputta. Này Ānanda, lợi tuệ là Sārīputta. Này Ānanda, quyết trạch tuệ là Sārīputta. Này Ānanda, ít dục là Sārīputta. Này Ānanda, biết đủ là Sārīputta. Này Ānanda, viễn ly là Sārīputta. Này Ānanda, bất cộng trú là Sārīputta. Này Ānanda, biện tài là Sārīputta. Này Ānanda, nghe lời trung ngôn là Sārīputta. Này Ānanda, cáo tội trung thực là Sārīputta. Này Ānanda, chỉ trích ác pháp là Sārīputta. Này Ānanda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Sārīputta?

Atha kho susīmo [susīmo (sī.)] devaputto āyasmato sārīputtassa vaṇṇe bhaññamāne mahatīyā devaputtaparisāya parivuto yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekamantam aṭṭhāsī.

Rồi Thiên tử Susīma, trong khi được nghe lời tán thán về Tôn giả Sārīputta, với đại chúng Thiên tử doanh vây, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

Ekamantam ṭhito kho susīmo devaputto bhagavantam etadavoca –

Đứng một bên, Thiên tử Susīma bạch Thế Tôn:

“Evametam, bhagavā, evametam, sugata. Kassa hi nāma, bhante, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa āyasmā sārīputto na ruceyya?

Paṇḍito, bhante, āyasmā sārīputto. Mahāpañño, bhante, puthupañño, bhante, hāsapañño, bhante, javanapañño, bhante, tikkhapañño, bhante, nibbedhikapañño, bhante, appiccho, bhante, santuṭṭho, bhante, pavivitto, bhante, asaṃsaṭṭho, bhante, āraddhavīriyo, bhante, vattā, bhante, vacanakkhamo, bhante, codako, bhante, pāpagarahī, bhante, āyasmā sārīputto. Kassa hi nāma, bhante, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa āyasmā sārīputto na ruceyya?

-- Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiện Thế. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sārīputta?. Bạch Thế Tôn, hiền trí là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, đại tuệ là Tôn giả Sārīputta..... Bạch Thế Tôn, chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sārīputta. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sārīputta?

“Ahampi hi, bhante, yaññadeva devaputtaparisaṃ upasaṅkamīṃ, etadeva bahulaṃ saddaṃ suṇāmi – ‘paṇḍito āyasmā sārīputto; mahāpañño āyasmā, puthupañño āyasmā, hāsapañño āyasmā, javanapañño āyasmā, tikkhapañño āyasmā, nibbedhikapañño āyasmā, appiccho āyasmā, santuṭṭho āyasmā, pavivitto āyasmā, asaṃsaṭṭho āyasmā, āraddhavīriyo āyasmā, vattā āyasmā, vacanakkhamo āyasmā, codako āyasmā, pāpagarahī āyasmā sārīputto’ti. Kassa hi nāma, bhante, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa āyasmā sārīputto na ruceyyā”ti?

Bạch Thế Tôn, con đi đến chúng Thiên tử nào, con đều được nghe nhiều lần tiếng nói như vậy: "Hiền trí là Tôn giả Sārīputta... .. chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sārīputta. Ai không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sārīputta?"

Atha kho susimassa devaputtassa devaputtaparīsā āyasmato sārīputtassa vaṇṇe bhaññamāne attamanā pamuditā pītisomanassajātā uccāvacā vaṇṇanibhā upadaṃseti.

Rồi chúng Thiên tử của Thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sārīputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

“Seyyathāpi nāma maṇi veḷuriyo subho jātimā aṭṭhaṃso suparikammakato paṇḍukambale nikkhitto bhāsate ca tapate ca virocāti ca; evamevaṃ susimassa devaputtassa devaputtaparīsā āyasmato sārīputtassa vaṇṇe bhaññamāne attamanā pamuditā pītisomanassajātā uccāvacā vaṇṇanibhā upadaṃseti.

Ví như một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giữa, khéo mài, được đặt trên một tấm màn màu vàng da cam, chói sáng, chiếu sáng và bùng sáng. Cũng vậy, chúng Thiên tử của Thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sāriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

“Seyyathāpi nāma nikkhaṃ jambonadaṃ dakkhakkammāraputtaukkāmasukusalasampahaṭṭhaṃ paṇḍukambale nikkhattaṃ bhāsate ca tapate ca virocati ca; evamevaṃ susimassa devaputtassa devaputtaparisā āyasmato sārīputtassa vaṇṇe bhaññamāne attamanā pamuditā pītisomanassajātā uccāvacā vaṇṇanibhā upadaṃseti.

Ví như một đồ trang sức bằng vàng mịn được một người thợ vàng thiện xảo, khéo đập, khéo mài, đặt trên một tấm màn màu vàng da cam, chói sáng, chiếu sáng và bùng sáng. Cũng vậy, Thiên tử chúng của Thiên tử Susima... .. và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

“Seyyathāpi nāma saradasamaye viddhe vigatavalāhake deve rattiyaṃ paccūsasamayaṃ osadhitārakā bhāsate ca tapate ca virocati ca; evamevaṃ susimassa devaputtassa devaputtaparisā āyasmato sārīputtassa vaṇṇe bhaññamāne attamanā pamuditā pītisomanassajātā uccāvacā vaṇṇanibhā upadaṃseti.

Ví như trong khi đêm đã gần sáng, sao mai chói sáng, chiếu sáng và bùng sáng. Cũng vậy, chúng Thiên tử của Thiên tử Susima... .. và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

“Seyyathāpi nāma saradasamaye viddhe vigatavalāhake deve ādicco nabhaṃ abbhussakkamāno [abbhussukkamāno (sī. syā. kaṃ. pī.), abbhuggamamāno (dī. ni. 2.258)] sabbhaṃ ākāsatam tamagatam abhivihacca bhāsate ca tapate ca virocati ca; evamevaṃ susimassa devaputtassa devaputtaparisā āyasmato sārīputtassa vaṇṇe bhaññamāne attamanā pamuditā pītisomanassajātā uccāvacā vaṇṇanibhā upadaṃseti.

Ví như trong mùa thu, trên trời các vòng mây đã được bay sạch, mặt trời mọc lên giữa trời, đánh tan màn đêm, khắp giữa hư không chói sáng, chiếu sáng và bùng sáng. Cũng vậy, chúng Thiên tử của Thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sāriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

Atha kho susimo devaputto āyasmantaṃ sārīputtaṃ ārabha bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi –

Rồi Thiên tử Susima, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn về Sārīputta:

**“Paṇḍitoti samaññāto, sārīputto akodhano;
Appiccho sorato danto, satthuvaṇṇābhato isi”ti.**

*Ngài Sārīputta,
Được mọi người xác nhận,
Là bậc Đại hiền trí,
Không phẫn hận, ít dục,
Nhu thuận và điều phục,
Được Đạo Sư tán thán.*

Hiệu đính

*Ngài Sārīputta,
Được biết là Trí giả,
Thiếu dục, tánh hoà nhã,
Nhẹ nhàng, khéo tự chế,
Được Đạo Sư tán thán.*

Atha kho bhagavā āyasmantaṃ sārīputtaṃ ārabha susimaṃ devaputtaṃ gāthāya paccabhāsi –

Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ về Sārīputta cho Thiên tử Susima:

**“Paṇḍitoti samaññāto, sārīputto akodhano;
Appiccho sorato danto, kālaṃ kaṅkhati sudanto” [kālaṃ kaṅkhati bhatako sudanto (sī.), kālaṃ kaṅkhati bhāvito sudanto (syā. kaṃ.), kālaṃ kaṅkhati bhatiko sudanto (pī.)] ti.**

*Về Sārīputta,
Mọi người đều xác nhận,
Là bậc Đại hiền trí,
Không phẫn hận, ít dục,
Nhu thuận và điều phục,
Như người khéo điều phục,
Chờ đợi thời giờ đến,
Để hưởng quả thuận thực.*

Hiệu đính

*Thầy Sāriputta,
Được biết là Trí giả,
Thiếu dục, tánh hoà nhã,
Nhẹ nhàng, khéo tự chế,
An nhiên giòng thời gian.*



Thích văn

Paṇḍitoti samaññaṭo = Vị ấy được nhận biết là bậc trí
sāriputto akodhano = Sāriputta người hoà nhã
Appiccho sorato danto = thiếu dục, nhẹ nhàng, nhu thuận.
satthuvaṇṇābhato isi’'ti = Bậc ẩn sĩ được Đạo Sư tán thán
kālaṃ kaṅkhati sudanto = An nhiên giòng thời gian



Thích nghĩa

Theo Sớ Giải thì sở dĩ Đức Phật hỏi Tôn giả Ananda về Tôn giả Sāriputta vì biết cả hai là bạn thâm giao và kính trọng nhau về trí tuệ và tánh hạnh. Và Đức Phật cũng biết rõ Tôn giả Ananda sẽ có lời tán thán xứng đáng với Tôn giả Sāriputta.

Theo Sớ giải những lời tán thán mang ý nghĩa đặc trưng. Gọi là Trí giả - Paṇḍita – vì thiện xảo đối với các nguyên tố hay giới; đối với sự hoạt dụng của các căn; đối với duyên khởi; đối với những gì có thể và những gì không thể. Gọi là bậc Đại Tuệ - mahāpañña- vì thấu triệt và viên mãn giới, định, tuệ, tâm giải thoát và tuệ giải thoát; cũng là bậc thiết xảo trong sự tu tập 37 pháp trợ bồ đề. Gọi là bậc Quảng Tuệ - puthupañña – vì liễu tri uẩn, xứ, giới, đế. Gọi là bậc Hỷ Tuệ - hāsapañña – vì hành trình trên đạo lộ giải thoát với pháp hỷ, khinh an, và tịnh lạc. Gọi bậc Tốc Trí – javanapañña – vì quán triệt các pháp nhậm lẹ. Gọi là bậc Tiệp Tuệ - tikkapañña – vì đoạn trừ các kiết sử nhanh chóng khi chứng đắc. Gọi là bậc Quyết Trạch Tuệ - nibbedhikapañña – vì sắc bén phân biệt đối với thiện và bất thiện.

Tất cả những lời tán thán của Tôn giả Ananda cũng được Đức Phật dùng để khen ngợi Tôn giả Sāriputta được ghi nhận trong một số kinh văn khác.

Theo Sớ giải, thiên tử Susīma trước khi sanh thiên cũng là một tỳ kheo học trò của Tôn giả Sāriputta. Và cũng ghi nhận thêm là sau khi Đức Thế Tôn và Tôn giả Ananda cất là tán thán thì vô số chư thiên ở nhiều thế giới cũng đồng ca ngợi.

Câu Phật ngôn cuối cùng: kālaṃ kaṅkhati sudanto rất khó dịch trong một câu năm chữ ở đây chỉ cho thân thái một bậc đã kinh qua hành trình vĩ đại, thành tựu tuệ giác siêu việt, với hạnh đức cao quý ít người sánh được sống an nhiên trước viên tịch niết bàn. Ngài không tham cầu sự sống cũng không tha thiết với sự viên tịch. Tất cả chỉ là thái độ tự tại trước giòng chảy của thời gian.

Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Hiệu đính và biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng
-ooOoo-

9. Susimasuttam [Mūla]

110. Sāvattthinidānaṃ. Atha kho āyasmā ānando yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinnaṃ kho āyasmantaṃ ānandaṃ bhagavā etadavoca – “tuyhampi no, ānanda, sāriputto ruccaṭī”ti?

“Kassa hi nāma, bhante, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa āyasmā sāriputto na ruceyya? Paṇḍito, bhante, āyasmā sāriputto. Mahāpañño, bhante, āyasmā sāriputto. Puthupañño, bhante, āyasmā sāriputto. Hāsapañño [hāsupañño (sī.)], bhante, āyasmā sāriputto. Javanapañño, bhante, āyasmā sāriputto. Tikkhapañño, bhante, āyasmā sāriputto. Nibbedhikapañño, bhante, āyasmā sāriputto. Appiccho, bhante, āyasmā sāriputto. Santuṭṭho, bhante, āyasmā sāriputto. Pavivitto, bhante, āyasmā sāriputto. Asaṃsaṭṭho, bhante, āyasmā sāriputto. Āraddhavīriyo, bhante, āyasmā sāriputto. Vattā, bhante, āyasmā sāriputto. Vacanakkhamo, bhante, āyasmā sāriputto. Codako, bhante, āyasmā sāriputto. Pāpagarahī, bhante, āyasmā sāriputto. Kassa hi nāma, bhante, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa āyasmā sāriputto na ruceyyā”ti?

“Evametaṃ, ānanda, evametaṃ, ānanda! Kassa hi nāma, ānanda, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa sāriputto na ruceyya? Paṇḍito, ānanda, sāriputto. Mahāpañño, ānanda, sāriputto. Puthupañño, ānanda, sāriputto. Hāsapañño,

ānanda, sārīputto. Javanapañño, ānanda, sārīputto. Tikkhapañño, ānanda, sārīputto. Nibbedhikapañño, ānanda, sārīputto. Appiccho, ānanda, sārīputto.

Santuṭṭho, ānanda, sārīputto. Pavivitto, ānanda, sārīputto. Asaṃsaṭṭho, ānanda, sārīputto. Āraddhavīriyo, ānanda, sārīputto. Vattā, ānanda, sārīputto. Vacanakkhamo, ānanda, sārīputto. Codako, ānanda, sārīputto. Pāpagarahī, ānanda, sārīputto. Kassa hi nāma, ānanda, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa sārīputto na ruceyyā’ ti?

Atha kho susīmo [susīmo (sī.)] devaputto āyasmato sārīputtassa vaṇṇe bhaññamāne mahatīyā devaputtaparīsāya parivuto yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavaṃ abhivādetvā ekamaṃtaṃ aṭṭhāsi. Ekamaṃtaṃ tṭhito kho susīmo devaputto bhagavaṃ etadavoca –

“Evamaṃtaṃ, bhagavā, evamaṃtaṃ, sugata. Kassa hi nāma, bhante, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa āyasmā sārīputto na ruceyya? Paṇḍito, bhante, āyasmā sārīputto. Mahāpañño, bhante, puthupañño, bhante, hāsaṃpañño, bhante, javanapañño, bhante, tikkhapañño, bhante, nibbedhikapañño, bhante, appiccho, bhante, santuṭṭho, bhante, pavivitto, bhante, asaṃsaṭṭho, bhante, āraddhavīriyo, bhante, vattā, bhante, vacanakkhamo, bhante, codako, bhante, pāpagarahī, bhante, āyasmā sārīputto. Kassa hi nāma, bhante, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa āyasmā sārīputto na ruceyya?”

“Ahampi hi, bhante, yaññadeva devaputtaparīsaṃ upasaṅkamim, etadeva bahulaṃ saddaṃ suṇāmi – ‘paṇḍito āyasmā sārīputto; mahāpañño āyasmā, puthupañño āyasmā, hāsaṃpañño āyasmā, javanapañño āyasmā, tikkhapañño āyasmā, nibbedhikapañño āyasmā, appiccho āyasmā, santuṭṭho āyasmā, pavivitto āyasmā, asaṃsaṭṭho āyasmā, āraddhavīriyo āyasmā, vattā āyasmā, vacanakkhamo āyasmā, codako āyasmā, pāpagarahī āyasmā sārīputto’ ti. Kassa hi nāma, bhante, abālassa aduṭṭhassa amūḷhassa avipallatthacittassa āyasmā sārīputto na ruceyyā’ ti?”

Atha kho susimassa devaputtassa devaputtaparīsā āyasmato sārīputtassa vaṇṇe bhaññamāne attamaṇā pamuditā pītīsoṃmaṇassajātā uccāvacaṃ vaṇṇanibhā upadaṃseti.

“Seyyathāpi nāma maṇi veḷuriyo subho jātimā aṭṭhaṃso suparikkammaṃkata paṇḍukambale nikkhitto bhāsate ca tapate ca virocate ca; evamevaṃ susimassa devaputtassa devaputtaparīsā āyasmato sārīputtassa vaṇṇe bhaññamāne attamaṇā pamuditā pītīsoṃmaṇassajātā uccāvacaṃ vaṇṇanibhā upadaṃseti.

“Seyyathāpi nāma nikkham jambonadam dakkhakkammāraputtaukkāmukhasukusalasampahaṭṭham paṇḍukambale nikkhittam bhāsate ca tapate ca virocate ca; evamevaṃ susimassa devaputtassa devaputtaparisā āyasmato sārīputtassa vaṇṇe bhaññamāne attamanā pamuditā pītisomanassajātā uccāvacaṃ vaṇṇanibhā upadamseti.

“Seyyathāpi nāma saradasamaye viddhe vigatavalāhake deve rattiyaṃ paccūsasamayaṃ osadhitārakā bhāsate ca tapate ca virocate ca; evamevaṃ susimassa devaputtassa devaputtaparisā āyasmato sārīputtassa vaṇṇe bhaññamāne attamanā pamuditā pītisomanassajātā uccāvacaṃ vaṇṇanibhā upadamseti.

“Seyyathāpi nāma saradasamaye viddhe vigatavalāhake deve ādicco nabham abhussakkamāno [abhussukkamāno (sī. syā. kaṃ. pī.), abhuggamamāno (dī. ni. 2.258)] sabbaṃ ākāsagataṃ tamagataṃ abhivihacca bhāsate ca tapate ca virocate ca; evamevaṃ susimassa devaputtassa devaputtaparisā āyasmato sārīputtassa vaṇṇe bhaññamāne attamanā pamuditā pītisomanassajātā uccāvacaṃ vaṇṇanibhā upadamseti.

Atha kho susimo devaputto āyasmantaṃ sārīputtaṃ ārabha bhagavato santike imaṃ gātham abhāsi –

“Paṇḍitoti samaññāto, sārīputto akodhano;
Appiccho sorato danto, satthuvaṇṇābhato isī”ti.

Atha kho bhagavā āyasmantaṃ sārīputtaṃ ārabha susimaṃ devaputtaṃ gāthāya paccabhāsi –

“Paṇḍitoti samaññāto, sārīputto akodhano;
Appiccho sorato danto, kālaṃ kaṅkhati sudanto” [kālaṃ kaṅkhati bhatako sudanto (sī.), kālaṃ kaṅkhati bhāvito sudanto (syā. kaṃ.), kālaṃ kaṅkhati bhatico sudanto (pī.)] ti.

9. Susimasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

110. Navame **tuyhampi no, ānanda, sārīputto rucattīti** satthā therassa vaṇṇam kathetukāmo, vaṇṇo ca nāmesa visabhāgapuggalassa santike kathetuṃ na vaṭṭati. Tassa santike kathito hi matthakaṃ na pāpuṇāti. So hi “asuko nāma bhikkhu sīlavā”ti vutte. “Kiṃ tassa sīlaṃ? Gorūpasīlo so. Kiṃ tayā añño sīlavā na ditṭhapubbo”ti vā? “Paññavā”ti vutte, “kiṃ pañño so? Kiṃ tayā añño pañnavā na ditṭhapubbo”ti? Vā, ādīni vatvā vaṇṇakathāya antarāyaṃ karoti. Ānandatthero pana

sāriputtattherassa sabhāgo, pañītāni labhitvā therassa deti, attano upaṭṭhākadārake pabbājetvā therassa santike upajjham gaṇhāpeti, upasampādeti. Sāriputtattheropi ānandattherassa tatheva karoti. Kiṃ kāraṇā? Aññamaññassa guṇesu pasīditvā. Ānandatthero hi – “amhākaṃ jeṭṭhabhātiko ekaṃ asaṅkhyeyyaṃ sataśahaṣṣaṅca kappe pāramiyo pūretvā soḷasavidham paññaṃ paṭivijjhivā dhammasenāpatiṭṭhāne ṭhito”ti therassa guṇesu pasīditvāva theram mamāyati. Sāriputtattheropi – “sammāsambuddhassa mayā kattabbaṃ mukhodakadānādikkiccam sabbaṃ ānando karoti. Ānandaṃ nissāya aham icchiticchitaṃ samāpattiṃ samāpajjitum labhāmī”ti āyasmato ānandassa guṇesu pasīditvāva taṃ mamāyati. Tasmā bhagavā sāriputtattherassa vaṇṇaṃ kathetukāmo ānandattherassa santike kathetum āraddho.

Tattha **tuyhampī**ti sampiṇḍanatto pi-kāro. Idaṃ vuttaṃ hoti – “ānanda, sāriputtassa ācāro gocaro vihāro abhikkamo paṭikkamo ālokitavilokitaṃ samiñjitapasāraṇaṃ mayhaṃ ruccati, asītimahātherānaṃ ruccati, sadevakassa lokassa ruccati. Tuyhampi ruccati”ti?

Tato thero sātākantare laddhokāso balavamallo viya tuṭṭhamānaso hutvā – “satthā mayhaṃ piyasahāyassa vaṇṇaṃ kathāpetukāmo. Labhissāmi no ajja, dīpadhajabhūtaṃ mahājambuṃ vidhunanto viya valāhakantarato candaṃ nīharitvā dassento viya sāriputtattherassa vaṇṇaṃ kathetu”nti cintetvā paṭhamataraṃ tāva catūhi padehi puggalapaḷāpe haranto **kassa hi nāma, bhante, abālāssāti**ādīmāha. Bālo hi bālatāya, duṭṭho dosatāya, mūlho mohena, vipallatthacitto ummattako cittavipallāsenā vaṇṇaṃ “vaṇṇo”ti vā avaṇṇaṃ “avaṇṇe”ti vā, “ayaṃ buddho, ayaṃ sāvako”ti vā na jānāti. Abālādayo pana jānanti, tasmā **abālāssāti**ādīmāha. **Na ruceyyāti** bālādīnaṃyeva hi so na ruceyya, na aññassa kassaci na ruceyya.

Evam puggalapaḷāpe haritvā idāni soḷasahi padehi yathābhūtaṃ vaṇṇaṃ kathento **paṇḍito, bhante**tiādīmāha. Tattha **paṇḍitoti** paṇḍiccena samannāgato, catūsu kosallesu ṭhitassetam nāmaṃ. Vuttañhetam – “yato kho, ānanda, bhikkhu dhātukusalo ca hoti āyatanakusalo ca paṭiccasamuppādakusalo ca ṭhānāṭṭhānakusalo ca, ettāvatā kho, ānanda, ‘paṇḍito bhikkhū’ti alaṃ vacanāyā”ti (ma. ni. 3.124). **Mahāpaññoti**ādīsu mahāpaññādīhi samannāgatoti attho. Tatridaṃ mahāpaññādīnaṃ nānattaṃ (paṭi. ma. 3.4) – katamā **mahāpaññā**? Mahante sīlakkhandhe pariggaṇhātīti mahāpaññā, mahante samādhikkhandhe, paññākkhandhe, vimuttikkhandhe, vimuttiñāṇadassanakkhandhe pariggaṇhātīti mahāpaññā. Mahantāni ṭhānāṭṭhānāni, mahāvihārasamāpattiyo, mahantāni ariyasaccāni, mahante satipaṭṭhāne, sammappadhāne, iddhipāde, mahantāni indriyāni, balāni, bojjhaṅgāni, mahante ariyamagge, mahantāni sāmāññaphalāni, mahāabhiññāyo, mahantaṃ paramatthaṃ nibbānaṃ pariggaṇhātīti mahāpaññā.

Sā pana therassa devorohanam katvā saṅkassanagaradvāre t̥hitena satthārā puthujjanapañcake pañhe pucchite tam vissajjentassa pākaṭā jātā.

Katamā **puthupaññā**? Puthu nānākhandhesu, (ñāṇam pavattatīti puthupaññā.) Puthu nānādhātūsu, puthu nānāyatanesu, puthu nānāpaṭiccasamuppādesu, puthu nānāsuññatamanupalabbhesu, puthu nānāatthesu, dhammesu niruttīsu paṭibhānesu, puthu nānāsīlakkhandhesu, puthu nānāsamādhi- paññāvimutti- vimuttiñānadassanakkhandhesu, puthu nānāthānātṭhānesu, puthu nānāvihārasamāpattīsu, puthu nānāriyasaccesu, puthu nānāsatipattṭhānesu, sammappadhānesu, iddhipādesu, indriyesu, balesu, bojjhaṅgesu, puthu nānāriyamaggesu, sāmāññaphalesu, abhiññāsu, puthu nānājanasādhāraṇe dhamme samatikkamma paramatthe nibbāne ñāṇam pavattatīti puthupaññā.

Katamā **hāsapaññā**? Idhekacco hāsabahulo vedabahulo tuṭṭhibahulo pāmojjabahulo sīlam paripūreti, indriyasamvaram paripūreti, bhojane mattaññutam, jāgariyānuyogam, sīlakkhandham, samādhikkhandham, paññākkhandham, vimuttikkhandham, vimuttiñānadassanakkhandham paripūretīti, hāsapaññā. Hāsabahulo pāmojjabahulo thānātṭhānam paṭivijjhatīti hāsapaññā. Hāsabahulo vihārasamāpattiyo paripūretīti hāsapaññā. Hāsabahulo ariyasaccāni paṭivijjhati. Satipattṭhāne, sammappadhāne, iddhipāde, indriyāni, balāni, bojjhaṅgāni, ariyamaggam bhāvetīti hāsapaññā. Hāsabahulo sāmāññaphalāni sacchikaroti, abhiññāyo paṭivijjhatīti hāsapaññā, hāsabahulo vedatuṭṭhipāmojjabahulo paramattham nibbānam sacchikarotīti hāsapaññā.

Thero ca sarado nāma tāpaso hutvā anomadassissa bhagavato pādamūle aggasāvakaṭṭhanam paṭṭhapesi. Tamkālato paṭṭhāya hāsabahulo sīlaparipūraṇādīni akāsīti hāsapañño.

Katamā **javanapaññā**? Yamkiñci rūpam atītānāgatapaccuppannam...pe... yam dūre santike vā, sabbam rūpam aniccato khippam javatīti javanapaññā. Dukkhatto khippam, anattato khippam javatīti javanapaññā. Yā kāci vedanā...pe... yā kāci saññā... ye keci saṅkhārā... yamkiñci viññānam atītānāgatapaccuppannam...pe... sabbam viññānam aniccato, dukkhato, anattato khippam javatīti javanapaññā. Cakkhu...pe... jarāmarānam atītānāgatapaccuppannam aniccato, dukkhato, anattato khippam javatīti javanapaññā. Rūpam atītānāgatapaccuppannam aniccam khayattṭhena, dukkham bhayattṭhena, anattā asārakattṭhenāti tulayitvā tīrayitvā vibhāvayitvā vibhūtam katvā rūpanirodhe nibbāne khippam javatīti javanapaññā. Vedanā... saññā... saṅkhārā... viññānam... cakkhu...pe... jarāmarānam atītānāgatapaccuppannam aniccam khayattṭhena...pe... vibhūtam katvā jarāmarānanirodhe nibbāne khippam javatīti javanapaññā. Rūpam

atītānāgatapaccuppannaṃ...pe... viññāṇaṃ. Cakkhu...pe... jarāmaṇaṃ aniccaṃ saṅkhatam paṭiccasamuppannaṃ khayadhammaṃ vayadhammaṃ virāgadhammaṃ nirodhadhammanti tulayitvā tīrayitvā vibhāvayitvā vibhūtaṃ katvā jarāmaṇanirodhe nibbāne khippaṃ javatīti javanapaññā.

Katamā **tikkhapaññā**? Khippaṃ kilese chindatīti tikkhapaññā. Uppannaṃ kāmavitakkaṃ nādhivāseti, uppannaṃ byāpādavitakkaṃ... uppannaṃ vihiṃsāvitakkaṃ... uppannuppanne pāpake akusale dhamme... uppannaṃ rāgaṃ... dosaṃ... mohaṃ... kodhaṃ... upanāhaṃ... makkhaṃ... paḷāsaṃ... issaṃ... macchariyaṃ... māyaṃ... sāṭheyyaṃ... thambhaṃ... sārambhaṃ... mānaṃ... atimānaṃ... maḍaṃ... pamādaṃ... sabbe kilese... sabbe duccharite... sabbe abhisāṅkhāre... sabbe bhavagāmikamme nādhivāseti pajahati vinodeti, byantīkaroti, anabhāvaṃ gametīti tikkhapaññā. Ekasmiṃ āsane cattāro ca ariyamaggā, cattāri ca sāmāññaphalāni, catasso ca paṭisambhidāyo, cha ca abhiññāyo adhigatā honti sacchikatā phassitā paññāyāti tikkhapaññā.

Thero ca bhāgineyyassa dīghanakhaparibbājakassa vedanāpariggahasutte desiyamāne ṭhitakova sabbakilese chinditvā sāvakaṃpāramiññaṃ paṭividdhakā lato paṭṭhāya tikkhapañño nāma jāto. Tenāha – ‘tikkhapañño, bhante, āyasmā sāriputto’ ti.

Katamā **nibbedhikapaññā**? Idhekacco sabbasaṅkhāresu ubbegabahulo hoti uttāsabahulo ukkaṅṭhanabahulo aratibahulo anabhiratibahulo bahimukho na ramati sabbasaṅkhāresu, anibbiddhapubbaṃ appadālitapubbaṃ lobhakkhandhaṃ nibbijjhati padāletīti nibbedhikapaññā. Anibbiddhapubbaṃ appadālitapubbaṃ dosakkhandhaṃ... mohakkhandhaṃ... kodhaṃ... upanāhaṃ... pe... sabbe bhavagāmikamme nibbijjhati padāletīti nibbedhikapaññā.

Appicchoti santagaṇaniguhanatā, paccayapaṭiggahaṇe ca mattaññutā, etaṃ appicchalakkaṇanti iminā lakkhaṇena samannāgato. **Santuṭṭhoti** catūsu paccayesu yathālābhasantoso yathābalasantoso yathāsārappasantosoti, imehi tīhi santosehi samannāgato. **Pavivittoti** kāyaviveko ca vivekaṭṭhakāyānaṃ nekkhammābhiratānaṃ, cittaviveko ca parisuddhacittānaṃ paramavodānappattānaṃ, upadhiviveko ca nirupadhīnaṃ puggalānaṃ visaṅkhāragatānanti, imesaṃ tiṇṇaṃ vivekānaṃ lābhī. **Asamsaṭṭhoti** dassanasamsaggo savanasamsaggo samullapanasamsaggo paribhogasamsaggo kāyasamsaggoti, imehi pañcahi samsaggehi virahito. Ayañca pañcavidho samsaggo rājūhi rājamahāmattehi titthiyehi titthiyasāvakehi upāsakehi upasikāhi bhikkhūhi bhikkhunīhīti aṭṭhahi puggalehi saddhiṃ jāyati, so sabbopi therassa natthīti asamsaṭṭho.

Āraddhavīriyoti paggahitavīriyo paripuṇṇavīriyo. Tattha āraddhavīriyo bhikkhu gamane uppanakilesassa ṭhānaṃ pāpunituṃ na deti, ṭhāne uppanassa nisajjaṃ, nisajjāya uppanassa seyyaṃ pāpunituṃ na deti, tasmim̐ tasmim̐ iriyāpathe uppannaṃ tattha tattheva niggaṇhāti. Thero pana catucattālīsa vassāni mañce piṭṭhim na pasāreti. Taṃ sandhāya “āraddhavīriyo”ti āha. Vattāti odhunanavattā. Bhikkhūnaṃ ajjhācāraṃ disvā “ajja kathessāmi, sve kathessāmī”ti kathāvavattānaṃ na karoti, tasmim̐ tasmim̐ yeva ṭhāne ovadati anusāsati attho.

Vacanakhamoti vacanaṃ khamati. Eko hi parassa ovādaṃ deti, sayāṃ pana añña ovadiyamāno kujjhati. Thero pana parassapi ovādaṃ deti, sayāṃ ovadiyamānopi sirasā sampaṭicchati. Ekadivasaṃ kira sārīputtattheraṃ sattavassiko sāmaṇero – “bhante, sārīputta, tumhākaṃ nivāsanakaṇṇo olambati”ti āha. Thero kiñci avatvāva ekamantaṃ gantvā parimaṇḍalaṃ nivāsetvā āgamma “ettakaṃ vaṭṭati ācariyā”ti añjalaṃ paggayha atṭhāsi.

“Tadahu pabbajito santo, jātiyā sattavassiko;
Sopi maṃ anusāseyya, sampaṭicchāmi matthake”ti. (mi. pa. 6.4.8) –

Āha.

Codakoti vatthusmim̐ otiṇṇe vā anotiṇṇe vā vītikkamaṃ disvā – “āvuso, bhikkhunā nāma evaṃ nivāsetabbaṃ, evaṃ pārupitabbaṃ, evaṃ gantabbaṃ, evaṃ ṭhātabbaṃ, evaṃ nisīditabbaṃ, evaṃ khāditabbaṃ, evaṃ bhuñjitabba”nti tantivasena anusitṭhim deti.

Pāpagarahīti pāpapuggale na passe, na tesāṃ vacanaṃ suṇe, tehi saddhim ekacakkavāḷepi na vaseyyaṃ.

“Mā me kadāci pāpiccho, kusīto hīnavīriyo;
Appassuto anādaro, sameto ahu katthaci”ti. –

Evaṃ pāpapuggalepi garahati, “samaṇena nāma rāgavasikena dosamohavasikena na hotabbaṃ, uppanno rāgo doso moho pahātabbo”ti evaṃ pāpadhammepi garahati dvihi kāraṇehi “pāpagarahī, bhante, āyasmā sārīputto”ti vadati.

Evaṃ āyasmatā ānandena soḷasahi padehi therassa yathābhūtavaṇṇappakāsane kate – “kiṃ ānando attano piyasahāyassa vaṇṇaṃ kathetuṃ na labhati, kathetu kiṃ pana tena kathitaṃ tattheva hoti, kiṃ so sabbaññū”ti? Koci pāpapuggalo vattuṃ mā

labhatūti satthā taṃ vaṇṇabhaṇaṇaṃ akuppaṃ sabbaññubhāsitaṃ karonto jinamuddikāya lañchanto evametantiādīmāha.

Evam tathāgatena ca ānandattherena ca mahātherassa vaṇṇe kathiyamāne bhumaṭṭhakā devatā utṭhahitvā eteheva soḷasahi padehi vaṇṇaṃ kathayimṃsu. Tato ākāsaṭṭhakadevatā sītavalāhakā uṇhavalāhakā cātumahārājikāti yāva akaniṭṭhabrahmalokā devatā utṭhahitvā eteheva soḷasahi padehi vaṇṇaṃ kathayimṃsu. Etenupāyena ekacakkavālaṃ ādiṃ katvā dasasu cakkavālasahassesu devatā utṭhahitvā kathayimṃsu. Athāyasmato sārīputtassa saddhivihāriko susīmo devaputto cintesi – “imā devatā attano attano nakkhattakīlaṃ pahāya tattha tattha gantvā mayhaṃ upajjhāyasseeva vaṇṇaṃ kathenti, gacchāmi tathāgatassa santikaṃ, gantvā etadeva vaṇṇabhaṇaṇaṃ devatābhāsitaṃ karomī”ti, so tathā akāsi. Taṃ dassetuṃ **atha kho susīmotiādi vuttaṃ.**

Uccāvacāti aññesu thānesu paṇītaṃ uccaṃ vuccati, hīnaṃ avacaṃ. Idha pana uccāvacāti nānāvīdhā vaṇṇanibhā. Tassā kira devaparisāya nīlaṭṭhānaṃ atinīlaṃ, pītakaṭṭhānaṃ atipītaṃ, lohitaṭṭhānaṃ atilohitaṃ, odātaṭṭhānaṃ accodātanti, catubbidhā vaṇṇanibhā pātubhavi. Teneva **seyyathāpi nāmāti** catasso upamā āgatā. Tattha **subhoti** sundaro. **Jātimāti** jātisampanno. **Suparikammakatoti** dhovanādiparikammaena suṭṭhu parikammakato. **Paṇḍukambale nikkhattoti** rattakambale ṭhapito. **Evamevanti** rattakambale nikkhattamaṇi viya sabbā ekappaḥārenea virocituṃ āradhā. Nikkhanti atirekapañcasuvaṇṇena katapiḷandhanaṃ. Tañhi ghaṭṭanamajjanakkhamaṃ hoti. **Jambonadanti** mahājambusākhāya pavattanadiyaṃ nibbattaṃ, mahājambuphalarase vā pathaviyaṃ pavīṭṭhe suvaṇṇaṅkurā utṭhahanti, tena suvaṇṇena katapiḷandhanantipi attho. **Dakkhakammāraputtaukkāmukhasukusalasampahaṭṭhanti** sukusalena kammāraputtena ukkāmukhe pacitvā sampahaṭṭhaṃ. Dhātuvibhaṅge (ma. ni. 3.357 ādayo) akatabhaṇḍaṃ gahitaṃ, idha pana katabhaṇḍaṃ.

Viddheti dūrībhūte. **Deveti** ākāse. **Nabhaṃ abhussakkamānoti** ākāsaṃ abhilaṅghanto. Iminā taruṇasūriyabhāvo dassito. **Soratoti** soraccena samannāgato. **Dantoti** nibbisevano. **Satthuvaṇṇābhatoti** satthārā ābhatavaṇṇo. Satthā hi aṭṭhapaṇṇasamajjhe nisīditvā “sevatha, bhikkhave, sārīputtamoggallāne”tiādinā (ma. ni. 3.371) nayena therassa vaṇṇaṃ āharīti thero ābhatavaṇṇo nāma hoti. **Kālaṃ kaṅkhatīti** parinibbānakālaṃ pattheti. Khīṇāsavo hi neva maraṇaṃ abhinandati, na jīvitaṃ pattheti, divasasaṅkhepaṃ vetanaṃ gahetvā ṭhitapuriso viya kālaṃ pana pattheti, olokeno tiṭṭhatīti attho. Tenevāha –

‘‘Nābhinandāmi maraṇaṃ, nābhinandāmi jīvitaṃ;
Kālañca paṭikañkhāmi, nibbisaṃ bhatako yathā’’ti. (theragā. 1001-1002);
Navamaṃ;